

Bản án số: 355/2018/HNGĐ-ST

Ngày : 20 - 4 - 2018

V/v Tranh chấp ly hôn giữa bà Nguyễn

Thị Thu T và ông Nguyễn Chí T2.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thu Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thu Vân
2. Bà Nguyễn Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 824/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường R, Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Chí T2, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện C, tỉnh L2;

Tạm trú: đường R, Phường B, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/5/2017, bản khai ngày 24/10/2017 và ngày 08/12/2017, biên bản hòa giải ngày 15/12/2017, biên bản hòa giải ngày 03/01/2018 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Chí T2 tự nguyện sống chung vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 25/8/2014. Trong quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng có hạnh phúc. Đến năm 2014, bà sinh con Nguyễn Hoàng Bảo K, khi đó ông T2 không lo làm ăn mà lại bài bạc, nhậu nhẹt, làm cuộc sống gia đình thêm khó khăn, nợ nần. Ông T2 đánh chửi bà, nhục mạ bà nhiều lần, đối xử hỗn xược với cha mẹ của bà. Bà đã khuyên bảo ông

nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2016 cho đến nay, bà và ông T2 đã sống riêng nhà. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Chí T2 .

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Chí T2 có một con chung tên là Nguyễn Hoàng Bảo K sinh ngày 17/4/2014.

Nếu ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con. Để chứng minh khả năng trực tiếp nuôi con chung, bà T đã cung cấp cho Tòa án bằng lương nhân viên nơi bà đang làm việc, bản tường trình về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu T xác định không có.

Tại bản khai đề ngày 08/12/2017 và ngày 15/12/2017, biên bản hòa giải ngày 15/12/2017, bị đơn ông Nguyễn Chí T2 xác nhận lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thu T về quan hệ hôn nhân và về con chung là đúng. Tuy nhiên, về mâu thuẫn gia đình ông T2 cho rằng là do bà T đã quen người đàn ông khác. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông và bà T đã ly thân, do đó ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông T2 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Bảo K nhưng ông không cung cấp cho Tòa án các chứng cứ chứng minh điều kiện chăm sóc và nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Ông T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T2 xác định không có.

Trong quá trình Tòa án tiến hành thủ tục tố tụng, tổng đạt Quyết định cung cấp chứng cứ, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Nguyễn Chí T2 nhưng ông T2 vắng mặt không rõ lý do. Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T2 vẫn vắng mặt không đến tòa.

Ngày 06/02/2018 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng, bị đơn chấp hành không đúng qui định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung đề nghị: Giao con chung cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Chí T2 vì bà T không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thu T thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên, do bị đơn ông Nguyễn Chí T2 cư trú tại Quận 8 nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Chí T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T2 đúng qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Về hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Chí T2 chung sống năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 01/2014 ngày 25/8/2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Chí T2 vì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do không hợp nhau, thường hay gây gổ, hay cãi nhau. Ông T2 đánh chửi bà, nhục mạ bà nhiều lần, đối xử hỗn xược với cha mẹ của bà, làm ảnh hưởng đến sức khỏe của bà. Bà T đã sống riêng từ tháng 10/2016. Riêng, ông T2 cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân nên bà T yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn. Do vậy, nhận thấy quan hệ hôn nhân của bà T và ông T2 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Chí T2 có một con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo K sinh ngày 17/4/2014.

Con chung Bảo K đã sống với mẹ là bà T và bà ngoại từ lúc được sinh ra cho đến nay ở tại địa chỉ nhà số 23 Rạch Cát Bến Lức, Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bé đã quen với sự chăm sóc của mẹ và bà ngoại, bé phát triển tốt, đạt chuẩn về chiều cao và cân nặng, hiện nay bé đang học tại Trường mầm non Thỏ Ngọc, bé chăm ngoan.

Về các điều kiện đảm bảo cho việc nuôi con chung giữa bà T và ông T2 : xét chứng cứ do bà T cung cấp, nhận thấy bà T có việc làm ổn định, nghề nghiệp công nhân viên, thu nhập đủ để bảo đảm các chi phí phát sinh khi nuôi con, bà có điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Riêng đối với ông T2 : Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nhưng không cung cấp cho Tòa án các chứng cứ để chứng minh điều kiện đảm bảo cho việc trực tiếp nuôi con.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo K và không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con là hợp lý, bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung, yêu cầu của bà T là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận vì phù hợp Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử tuyên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông T2 cho đến khi bà T có yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Chí T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông T2 xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T .

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với Nguyễn Chí T2 (Giấy chứng nhận kết hôn số 112, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/8/2014).

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Chí T2 có một con chung tên Nguyễn Hoàng Bảo K sinh ngày 17/4/2014. Giao con chung Nguyễn Hoàng Bảo K cho bà Nguyễn Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Chí T2 cho đến khi bà T có yêu cầu.

Ông T2 có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được quyền cản trở. Nhưng ông T2 không được lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Chí T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông T2 xác nhận không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000038 ngày 25/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Đức, tỉnh Long An. Bà T đã thi hành xong phần án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường 7, Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiệp